TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 130/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 861/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Dương Thị H,** sinh năm: 1992; địa chỉ: 1/69 Đường B, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Nhật T,** sinh năm: 1991; địa chỉ: 1/69 Đường B, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn Nhật T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Nhật T xác nhận có 03 con chung khai sinh là: Nguyễn Nhật Bảo N, sinh ngày 04/08/2015, Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 23/01/2019 và Nguyễn Ngọc Trúc L, sinh ngày 17/12/2021.

Chị H và anh T thỏa thuận: Giao 03 con chung là Nguyễn Nhật Bảo N, Nguyễn Ngọc Gia H1 và Nguyễn Ngọc Trúc L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh Trường cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với số tiền 1.000.000đồng/tháng, tổng cộng 03 con chung là 3.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị H và anh T xác nhận không có nợ chung.

2.4. Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn với số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0005262 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện Đ;
(ĐKKH số 35 ngày 03/9/2014)
- Lưu dán;
- Lưu.

Lê Thúc Mỹ